

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày: 07-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn - Giáo viên.
- Bà Hoàng Thị Thiện Lai - Cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị H**, sinh năm 1998; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: **ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Chỗ ở hiện nay: **khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn P**, sinh năm 1954 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1969; bị cáo có chồng là **Danh T1** (bị cáo trong cùng vụ án), có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. **Danh T1**, sinh năm 1991; nơi sinh: **huyện C, tỉnh Kiên Giang**; nơi cư trú: **khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**. Chỗ ở hiện nay: **khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Danh Đ**, sinh năm 1962 và bà **Thị S**, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là **Trần Thị H** (bị cáo trong cùng vụ án), có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

04/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Văn B**, sinh năm 1991; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: **ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Chỗ ở hiện nay: **khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn P**, sinh năm 1954 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1969; bị cáo có vợ là **Khru Thị T2**, sinh năm 1982, có 01 con, sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. **Hồ Thanh H1**, sinh năm 1993; nơi sinh: **huyện A, tỉnh Kiên Giang**; nơi cư trú: **khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: tài xế; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1967 và bà **Hồ Kim L1**, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là **Danh Thị Kim T3**, có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 17/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 12/5/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phúc thẩm phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/9/2015, đã nộp xong án phí và bồi thường dân sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Văn Đan T4**, sinh ngày: 20/3/2006; nơi sinh: **huyện C, tỉnh An Giang**; nơi cư trú: **ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Minh T5**, sinh năm 1980 và bà **Nguyễn Ngọc N** (chết); bị cáo chưa lập gia đình. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

6. **Trần Văn Q**, sinh ngày: 04/7/2006; nơi sinh: **huyện C, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: làm thuê; nơi cư trú: **ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn H2**, sinh năm 1969 và bà **Dương Thị T6**; bị cáo chưa lập gia đình. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo T4: Ông **Nguyễn Minh T5**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**, (có mặt).

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Q: Ông **Trần Văn H2**, sinh năm 1970 và bà **Dương Thị T6**, sinh năm 1969 (là cha mẹ ruột của **Q**); Cùng nơi cư trú: **ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**, (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo T4, Q: Ông **Phạm Minh T7**, sinh năm 1982 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A**, (có mặt).

Bị hại: Em **Huỳnh Thị Huỳnh A**, sinh ngày: 04/9/2007; nơi cư trú: **ấp H,**

xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho bị hại Huỳnh A:

- Bà Trần Thị N1, sinh năm 1987 (là cha mẹ ruột của Huỳnh A); nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1952 (là ông N2 của bị hại); địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thu A1, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Em Trần Thị Thanh T8, sinh ngày 05/10/2007; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt). Do ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Thu A1 làm giám hộ.

- Ông Võ Ngọc K, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

- Ông Võ Duy K1, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Bà Hồ Kim L1, sinh năm 1970; (có mặt).

- Bà Danh Thị Kim T3, (có mặt).

- Ông Đỗ Hoàng P1, sinh năm 1984, (vắng mặt).

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1954, (có mặt).

- Bà Thị S1, sinh năm 1960, (có mặt).

- Bà Lê Huỳnh Ánh T9, sinh năm 1969, (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Văn K2, sinh năm 1976, (vắng mặt).

- Bà Dương Thị Nhất L2, sinh năm 1980, (vắng mặt).

- Em Nguyễn U, sinh ngày: 06/02/2006, (vắng mặt).

- Em Nguyễn Anh T10, sinh ngày: 30/8/2008, (vắng mặt).

- Ông Dương Thế H3, sinh năm 1976, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị H và Danh T1 là vợ chồng, cùng ngụ khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, thỏa thuận cho tiếp viên ở trong nhà của H, để phục vụ quán karaoke gần nhà H, chi phí ăn uống hàng

ngày của tiếp viên do H chi trả, nhưng khi nhận tiền bo của khách thì về đưa H, hàng tháng H sẽ trả mỗi tiếp viên 8.000.000 đồng.

Tháng 4/2023, Trần Thị Thanh T8, sinh ngày 05/10/2007, ngụ ấp M, xã M, huyện C, đến ở nhà của H để làm tiếp viên phục vụ quán karaoke. Đến tháng 5/2023, Huỳnh Thị Huỳnh A, sinh ngày 04/9/2007, ngụ ấp H, xã K, huyện C (bạn của T8) đang làm tiếp viên quán karaoke ở tỉnh Bình Dương điện thoại cho T8 biết Huỳnh A đang nợ chủ quán 13.000.000 đồng, nhờ T8 nói với H, T1 trả tiền cho chủ quán để Huỳnh A về làm cho H, thì H, T1 đồng ý. Ngày 18/5/2023, H đưa Trần Văn B (anh ruột của H) 13.000.000 đồng đi trả nợ thay cho Huỳnh A và chở Huỳnh A về nhà của H. Tại đây, H và Huỳnh A thỏa thuận hàng ngày H bao ăn, ở, khi quán karaoke điện thoại cho H hoặc T1 thì T1 sẽ chở Huỳnh A đến để phục vụ, tiền khách bo thì H, T1 lấy, mỗi tháng sẽ trả Huỳnh A 8.000.000 đồng và sẽ được trừ dần vào 17.000.000 đồng mà Huỳnh A nợ trước đó (gồm 13.000.000 đồng H trả nợ thay cho chủ quán ở Bình Dương và 4.000.000 đồng tiền công B đi rước Huỳnh A), thì Huỳnh A đồng ý, viết giấy nợ H 17.000.000 đồng, hứa không trốn, nhưng đến ngày 01/6/2023 thì Huỳnh A bỏ trốn. Khi này, H, T1 kêu T8 tìm cách liên lạc, kiếm Huỳnh A để H, T1 bắt về làm trả nợ và trả công cho T8 5.000.000 đồng, thì T8 đồng ý. Ngày 27/7/2023, T8 cho Nguyễn Văn Đ2 Thuần biết sự việc, nhờ T4 tìm Huỳnh A bắt giao cho T8 sẽ được T8 trả công 5.000.000 đồng, T4 đồng ý. T4 sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin với Huỳnh A, hẹn ngày 04/8/2023 gặp tại thị trấn M, huyện C để cùng đi mua ma túy sử dụng thì Huỳnh A đồng ý, nên T4 cho T8 biết đã hẹn được Huỳnh A và cho biết Huỳnh A cần 200.000 đồng để tiêu xài cá nhân, nhưng T4 không có xe đi, T8 điện thoại cho Nguyễn Thị Thu A1 (mẹ của T8) kêu đưa xe mô tô biển số 67L1-560.56 và 200.000 đồng cho Nguyễn U (bạn gái của T4, chị họ của T8) để U đem đưa T4 (T8 không nói cho A1 và U biết việc đưa xe và tiền cho T4 để đi bắt Huỳnh A).

Đến sáng ngày 04/8/2023, T4 cho T8 biết hẹn gặp Huỳnh A tại thị trấn M vào lúc 14 giờ cùng ngày, nên T8 nói cho H, T1 biết. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T1 kêu Hồ Thanh H1 người cùng xóm, thuê xe ô tô biển số 68A-172.94 của Vũ Ngọc K3 chở H, T1, T8, B đi tỉnh An Giang, khi này, H1 nghe cả nhóm bàn bạc đi bắt Huỳnh A, thì H1 nói “đúng rồi, chứ thiếu nợ còn chửi bới thì bắt nó chứ sao”, rồi điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đến thị trấn C để gặp, bàn bạc trước với T4 việc bắt Huỳnh A.

Riêng, U sau khi được A1 giao xe và tiền, đến nhà T4 thì gặp T4, Trần Văn Q, Nguyễn Anh T10, khi này T4 được tin của T8 đã cùng H và nhóm về tới khu vực cầu Ô, thị trấn C, nên T4 rủ Q, Anh T10 và U cùng đi (Thuần chỉ nói đi gặp T8, không nói đi bắt Huỳnh A), trong đó T4 điều khiển xe 67L1-560.56 chở U, Q điều khiển xe 67L1-414.27 chở Anh T10, đi gặp T8. Tại đây, chỉ có T4 nói chuyện với T8, H, sau đó T4 kêu U điều khiển xe 67L1-414.27 chở Anh T10 về, riêng Q được T4 cho biết Huỳnh A đi làm ở Kiên

Giang nợ tiền trốn về, nên đi bắt Huỳnh A giao cho T8, thì Q đồng ý điều khiển xe 67L1-560.56 chở T4 chạy trước, về hướng thị trấn M, H1 điều khiển xe ô tô chở H, T10, T8, B chạy theo sau. Khi cách Khu D khoảng 200m, thấy Huỳnh A đang đứng chờ T4 (do T4 đã hẹn gặp Huỳnh A trước đó), thì Q dừng xe, T4 kêu Huỳnh A lên xe ngồi giữa, T4 ngồi sau cho Q chở đi, khi đến đoạn đường vắng (thuộc khóm M, thị trấn M) thì H1 điều khiển xe ô tô vượt lên trên, tín hiệu cho Q cùng dừng xe, H1 mở cửa xe ô tô cho H, T10, B, T8 xuống xe, khi nhìn thấy H, T10 thì Huỳnh A tri hô “bắt cóc, bắt cóc, cứu tôi” và vùng vẫy bỏ chạy, thì bị H, T10, B cùng bắt đưa lên xe ô tô cho H1 điều khiển xe chạy đi. Khi trên xe, H dùng tay đánh vào mặt và bụm miệng Huỳnh A không cho tri hô, T10 dọa xịt hơi cay nhưng H1 không cho. Ngay sau đó, sự việc bị người dân phát hiện, trình báo cơ quan Công an. Trên đường H điều khiển xe đến địa bàn xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng Công an thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang kết hợp Công an xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chặn bắt, lập biên bản phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra, thu giữ và xử lý vật chứng: 01 (một) xe ô tô biển số 68A-172.94, đã trao trả cho Vũ Ngọc K3; 01 (một) bình xịt có dung tích 110ml, màu xanh có chữ “NATO” của Hồ Thanh H1; 01 (một) thẻ nhớ màu đen gắn trong hệ thống camera hành trình của xe ô tô; 01 (một) xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-560.56 mang tên Trần Văn P.

Tại Giấy chứng nhận thương tích ngày 10/8/2023 của Trung tâm y tế huyện C đối với Huỳnh Thị Huỳnh A, ghi nhận: Tình trạng thương tích lúc vào khám: Bệnh tình, tiếp xúc tốt. Than đau đầu, chóng mặt. Chẩn đoán: Chấn thương đầu do đã thương.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích trên người sống số 638/23/KLTTCT-TTPY ngày 06/9/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh A, đối với Huỳnh Thị Huỳnh A: Các kết quả chính: Vùng đầu - vùng mặt hiện tại không để lại thương tích. Kết Luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 00%. Kết luận khác cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên.

Tại Kết luận giám định số 6317/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Bình xịt hơi cay hiệu “NATO”, dung tích 110ml, gửi giám định là công cụ hỗ trợ.

Tại Bản Cáo trạng số 97/CT-VKSCM ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Trần Thị H, Danh T1, Trần Văn B, Hồ Thanh H1, Nguyễn Văn Đan T4, Trần Văn Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị H, Danh T1, Trần Văn B, Hồ Thanh H1, Nguyễn Văn Đan T4, Trần Văn Q: Khai nhận hành vi bắt, giữ người trái pháp luật phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thấy hối hận về hành vi đã gây ra, xin xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị hại **Huỳnh Thị Huỳnh A** vắng mặt có lời khai được thu thập trong quá trình điều tra được Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa, thể hiện do tin tưởng nên vào ngày 04/8/2023, khi bị cáo **T4** hẹn thì đồng ý gặp **T4** ở **thị trấn M**, lên xe mô tô ngồi giữa cho **Q**, **T4** chở đi, trên đường bị nhóm **H**, **T1**, **B** bắt đưa lên xe ô tô do **H1** điều khiển chạy về hướng tỉnh Kiên Giang đến địa phận tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng công an bắt giữ, như nội dung vụ án. Sau khi xảy ra sự việc đến nay, tình trạng sức khỏe, tinh thần của **Huỳnh A** bình thường, từ chối giám định pháp y tâm thần và từ chối yêu cầu trợ giúp viên pháp lý. Yêu cầu xử lý hình sự những người tham gia bắt theo quy định pháp luật, không yêu cầu bồi thường dân sự kể cả khoản tiền tổn thất tinh thần.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo **T4**, ông **Nguyễn Minh T5** (cha ruột của **T4**); người đại diện hợp pháp cho bị cáo **Q**, ông **Trần Văn H2**, bà **Dương Thị T6** (cha, mẹ ruột của **Q**) và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Văn P** (cha ruột của **H**, **B**), **Thị S1** (mẹ ruột của **Danh T1**), **Hồ Thị Kim L3**, **Danh Thị Kim T3** (mẹ, vợ của **H1**), **Vũ Duy K4**, **Vũ Ngọc K3** (cha ruột của **K4**), **Huỳnh Văn K2**, **Dương Thị Nhất L2** (vợ của **K2**) có lời khai phù hợp với lời khai được thu thập trong giai đoạn điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả vụ án tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58; (**H**, **T1**, **B** áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52) Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị H** từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù;

Xử phạt bị cáo **Danh T1** từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn B** từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù;

Xử phạt bị cáo **Hồ Thanh H1** từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58; Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ2** Thuần tù 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Q** từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù;

Cùng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu phía các bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào kể cả khoản tổn thất tinh thần nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) xe ô tô biển số 68A-172.94, đã trao trả cho **Vũ Ngọc K3**, việc giao trả là có căn cứ nên không đề cập.

+ 01 (một) bình xịt có dung tích 110ml, màu xanh có chữ “NATO” của **Hồ Thanh H1**, tịch thu tiêu hủy.

+ Trả lại 01 (một) xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-560.56 cho ông **Trần Văn P.**

*Người bào chữa cho các bị cáo **T4, Q** phát biểu quan điểm:* thống nhất tội danh, điểm khoản, điều luật theo truy tố Cáo trạng, hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật; tuy nhiên, đề nghị xem xét thời điểm phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, áp dụng thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều vắng mặt không rõ lý do, những người này đã được Tòa án thông đạt giấy triệu tập theo đúng quy định; giai đoạn điều tra những người này có lời khai cụ thể, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và trong giai đoạn điều tra là phù hợp với nhau; phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan, những người làm chứng về diễn biến, tình tiết của vụ án; phù hợp với Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường được lập vào các ngày 04/8/2023; phù hợp tang vật thu giữ. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ xác định, khoảng tháng 4/2023, Thanh T8 đến ở nhà của H làm tiếp viên phục vụ quán karaoke đến tháng 5/2023, T8 quen biết Huỳnh Thị Huỳnh A, sinh ngày 04/9/2007, ngụ ấp H, xã K, huyện C (bạn của T8) đang làm tiếp viên quán karaoke ở tỉnh Bình Dương. Lúc này Huỳnh A gọi điện thoại cho T8 biết Huỳnh A đang nợ chủ quán 13.000.000 đồng, nhờ T8 nói với H, T1 trả tiền cho chủ quán để Huỳnh A về làm cho H, thì H, T1 đồng ý; H đưa số tiền 13.000.000 đồng và nhờ Trần Văn B (anh ruột H) đem đưa Huỳnh A trả nợ và chở Huỳnh A về nhà của H. H và Huỳnh A thỏa thuận hàng ngày H bao ăn, ở, khi quán karaoke điện thoại cho H hoặc T1 thì T1 sẽ chở Huỳnh A đến để phục vụ, tiền khách bo thì H, T1 lấy, mỗi tháng sẽ trả Huỳnh A 8.000.000 đồng và sẽ được trừ dần vào 17.000.000 đồng mà Huỳnh A nợ trước đó (gồm 13.000.000 đồng H trả nợ thay cho chủ quán ở Bình Dương và 4.000.000 đồng tiền công B đi rước Huỳnh A), thì Huỳnh A đồng ý, viết giấy nợ H 17.000.000 đồng, hứa không trốn, nhưng đến ngày 01/6/2023 thì Huỳnh A bỏ trốn. H, T1 kêu T8 tìm cách liên lạc, kiếm Huỳnh A để H, T1 bắt về làm trả nợ và trả công cho T8 5.000.000 đồng, thì T8 đồng ý. Ngày 27/7/2023, T8 cho Nguyễn Văn Đ2 Thuận biết sự việc, nhờ T4 tìm Huỳnh A bắt giao cho T8 sẽ được T8 trả công 5.000.000 đồng, T4 đồng ý. T4 sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin với Huỳnh A, hẹn ngày 04/8/2023 gặp tại thị trấn M, huyện C để cùng đi mua ma túy sử dụng thì Huỳnh A đồng ý, nên T4 cho T8 biết đã hẹn được Huỳnh A. Đến sáng ngày 04/8/2023, T4 cho T8 biết hẹn gặp Huỳnh A tại thị trấn M vào lúc 14 giờ cùng ngày, T8 nói cho H, T1 biết. T1 kêu Hồ Thanh H1 người cùng xóm, thuê xe ô tô biển số 68A-172.94 chở H, T1, T8, B đi tỉnh An Giang; H1 nghe cả nhóm bàn bạc đi bắt Huỳnh A, thì H1 nói “đúng rồi, chứ thiếu nợ còn chửi bới thì bắt nó chứ sao”, rồi điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đến thị trấn C để gặp, bàn bạc trước với T4 việc bắt Huỳnh A. Thuận được tin của T8 đã cùng H và nhóm về tới khu vực cầu Ô, thị trấn C, nên T4 rủ Q điều khiển xe 67L1-560.56 chở U, Q điều khiển xe 67L1-414.27 chở Anh T10, đi gặp T8. Tại đây, chỉ có T4 nói chuyện với T8, H, sau đó T4 kêu U điều khiển xe 67L1-414.27 chở Anh T10 về, riêng Q được T4 cho biết Huỳnh A đi làm ở Kiên Giang nợ tiền trốn về, nên đi bắt Huỳnh A giao cho T8, Q đồng ý điều khiển xe 67L1-560.56 chở T4 chạy trước, về hướng thị trấn M, H1 điều khiển xe ô tô chở H, T10, T8, B chạy theo sau. Khi cách Khu D khoảng 200m, thấy Huỳnh A đang đứng chờ T4 thì Q dừng xe, T4 kêu Huỳnh A lên xe ngồi giữa, T4 ngồi sau cho Q chở đi, khi đến đoạn đường vắng (thuộc khóm M, thị trấn M) thì H1 điều khiển xe ô tô vượt lên trên, tín hiệu cho Q cùng dừng xe, H1 mở cửa xe ô tô cho H, T10, B, T8 xuống xe, khi nhìn thấy H, T10 thì Huỳnh A tri hô “bắt cóc, bắt cóc, cứu tôi” và vùng vẫy bỏ chạy, thì bị H, T10, B cùng bắt đưa lên xe ô tô cho H1 điều khiển xe

chạy đi. Khi trên xe, **H** dùng tay đánh vào mặt và bụm miệng **Huỳnh A** không cho tri hô, sự việc bị người dân phát hiện, trình báo cơ quan Công an. Trên đường **H** điều khiển xe đến địa bàn xã **H**, huyện **L**, tỉnh **Đồng Tháp** thì bị lực lượng Công an thị trấn **H**, huyện **C**, tỉnh **An Giang** kết hợp Công an xã **H**, huyện **L**, tỉnh **Đồng Tháp** chặn bắt, lập biên bản phạm tội quả tang.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “bắt, giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo **Trần Thị H**, **Danh T1**, **Trần Văn B**, **Hồ Thanh H1**, **Nguyễn Văn Đan T4**, **Trần Văn Q** được quy định điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc tội phạm nghiêm trọng có mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang truy tố các bị cáo **Trần Thị H**, **Danh T1**, **Trần Văn B**, **Hồ Thanh H1**, **Nguyễn Văn Đan T4**, **Trần Văn Q** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ.

[3] Đánh giá vai trò đồng phạm, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có yếu tố đồng phạm nhưng về bản chất là đồng phạm giản đơn, không cấu kết chặt chẽ, phát sinh mang tính tự phát, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể với nhau.

Trong vụ án này, các bị cáo **H** là người giữ vai trò chính, là người chủ động khởi xướng, nhờ người tìm và bắt **Huỳnh A** về làm tiếp viên để trả nợ cho vợ chồng **H**; chủ động liên hệ thuê xe, trao đổi về cách thức bắt bị hại, khi đến địa điểm nhất định thì chính bị cáo cùng với **T1**, **B** là người trực tiếp bắt **Huỳnh A** đưa lên xe đưa về tỉnh Kiên Giang mục đích làm để trả nợ cho bị cáo; hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo **T1**, giữ vai trò đồng phạm tích cực, khi **H** trao đổi về cách thức bắt **Huỳnh A**; lẽ ra bị cáo phải tìm cách khuyên ngăn, không những không làm được mà bị cáo còn ủng hộ, trực tiếp thuê xe cùng **H** và các bị cáo còn lại lên An Giang để bắt **Huỳnh A**; khi đã đến điểm hẹn, gặp **Huỳnh A** thì chính bị cáo cùng với **H**, **B** là người trực tiếp bắt **Huỳnh A** lên xe nên giữ vai trò chính chỉ sau bị cáo **H** nên cũng cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo **Trần Văn B** là anh ruột của **H**; lẽ ra, khi được **H** gợi ý tìm bắt **Huỳnh A** về làm trả nợ cho vợ chồng **H**; với tư cách là anh ruột, bị cáo phải tìm cách khuyên ngăn, tìm cách xử sự giải quyết khác thể hiện tính nhân văn, phù hợp; trái lại, khi **H** khởi xướng bị cáo lập tức đồng ý, hỗ trợ, giúp sức tích cực; khi đến địa bàn huyện **C** vợ chồng **T1**, **H** trao đổi với **T4** về cách thức hẹn để bắt **Huỳnh A** thì bị cáo cũng có mặt và thống nhất với **T4** và khi tìm gặp được **Huỳnh A** thì **B** là người cùng với vợ chồng **H**, **T1** tham gia bắt giữ **Huỳnh A** lên

xe đưa về tỉnh Kiên Giang mục đích **Huỳnh A** làm lấy tiền trả nợ nên cần có mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo **Hồ Thanh H1**, với vai trò là tài xế khi biết nhóm **H**, **T1** lên An Giang tìm người bắt để đi làm về trả nợ; lẽ ra khi nghe bàn bạc, trao đổi về cách bắt bị hại thì **H1** phải khuyên ngăn hoặc từ chối việc lái xe nhưng không những không làm được điều tốt mà còn có ý thức ủng hộ “*nó thiếu nợ thì bắt nó về trả nợ chứ sao*”, sẵn sàng lái xe theo yêu cầu của vợ chồng **H**, khi **H** và **T11**, **Q** ra hiệu điểm dừng xe để bắt bị hại thì chính bị cáo cho xe vượt lên, chặn đầu xe của **T4**, **Q** và mở cửa xe để nhóm **H** xuống bắt **Huỳnh A** đưa lên xe; khi nhóm **H** đã bắt được bị hại đưa lên xe thì bị cáo chủ động điều khiển xe chạy về Kiên Giang khi đến địa bàn **huyện L, tỉnh Đồng Tháp** thì bị bắt quả tang nên giữ vai trò giúp sức tích cực. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 12/5/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phúc thẩm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 20/9/2015, đã nộp xong án phí và bồi thường dân sự, được xóa án tích nhưng lần phạm tội này thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo **T4**, **Q** khi **T4** được **T8**, **H** nhờ tìm **Huỳnh A** bắt về Kiên Giang làm trả nợ với lời hứa sẽ cho tiền thì **T4** đồng ý; bị cáo chủ động liên hệ hẹn **Huỳnh A** đến địa điểm thích hợp tại điền kiện để nhóm **H** bắt **Huỳnh A** đưa lên xe; Quý khi nghe **T4** gợi ý thì đồng ý giúp sức tích cực với **T4**, theo thỏa thuận thì **Q** là người chở **T4** chạy xe mô tô đến nơi hẹn cho **Huỳnh A** ngồi giữa, **T4** ngồi ở phía sau giữ **Huỳnh A**; **Q** chạy xe theo sự hướng dẫn của **T4** đến địa điểm thích hợp thì bị cáo cho xe chạy chậm lại tạo điều kiện cho xe ô tô vượt lên, giả vờ như không biết việc gì xảy ra nhằm giúp nhóm **H** bắt **Huỳnh A** đưa lên xe ô tô theo thỏa thuận trước đó nên cần phải có mức hình phạt nghiêm để giáo dục, răn đe các bị cáo. Tuy nhiên, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên nên được áp dụng chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội, áp dụng mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo khi lượng hình.

Các bị cáo đều là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, với bản chất xem thường pháp luật và cố ý thực hiện tội phạm, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do về nhân thân của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây bất an, tạo dư luận xấu trong nhân dân trước tình hình các tội phạm xâm phạm về quyền nhân thân ngày càng thể hiện sự liều lĩnh, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian tạo điều kiện để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện học tập, cải tạo nhằm mục đích trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội sau khi tái hòa nhập cộng đồng, có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo **T4, Q, H1** không có tình tiết tăng nặng; Các bị cáo **H, T1, B** phải chịu tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51; các bị cáo **H, T1, B, T4, Q** có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo **H** đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cân nhắc để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo **T4, Q** thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên nên được áp dụng chính sách pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

[5] Đánh giá về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với hành vi **Trần Thị Thanh T8** là người giúp sức, hỗ trợ tích cực bị cáo **H** và các bị cáo khác bắt giữ bị hại nhưng thời điểm thực hiện hành vi **T8** chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra không khởi tố là phù hợp.

Đối với hành vi **Nguyễn U, Trần Anh T12** thời điểm cùng **T4, Q** đến gặp nhóm **H** nhưng đứng cách xa và hoàn toàn không biết nhóm **T8** cùng **T4, Q** đi bắt **Huỳnh A**; không bàn bạc, không tham gia và đã đi về trước đó, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Hồ Thanh H1 có hành vi tàng trữ bình xịt hơi cay là công cụ hỗ trợ, tuy nhiên **H1** chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ, nên Cơ quan điều tra không khởi tố, chuyển xử lý hành chính.

[6] Về hình phạt bổ sung, các bị cáo là lao động tự do, không công tác trong các cơ quan nhà nước, không giữ chức danh, chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại các tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

+ Đối với 01 (một) xe ô tô biển số 68A-172.94, Cơ quan điều tra đã trao trả cho **Vũ Ngọc K3**; đánh giá việc bị cáo **H1** thuê xe chở dịch vụ chở nhóm **H, T12** người thì ông **K3** hoàn toàn không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; việc giao trả xe ô tô của Cơ quan điều tra là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

+ Đối với 01 (một) bình xịt có dung tích 110ml, màu xanh có chữ “NATO” của **Hồ Thanh H1**, tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-560.56 do ông **Trần Văn P** đứng tên; đây là tài sản cá nhân của ông **P** việc **Thanh T8** mượn và đưa **T4, Q** làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì ông không biết nên trả lại.

+ 01 (một) thẻ nhớ màu đen gắn trong hệ thống camera hành trình của xe ô tô là tài liệu liên quan đến vụ án được lưu giữ trong hồ sơ.

[9] Án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên với các nội dung đã nêu là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét.

[11] Lời bào chữa của Luật sư đối với các bị cáo **T4, Q**: với các quan điểm phù hợp được Hội đồng xét xử xem xét; đối với quan điểm đề nghị xử mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử cân nhắc trên cơ sở đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Trần Thị H, Danh T1, Trần Văn B, Hồ Thanh H1, Nguyễn Văn Đan T4, Trần Văn Q** phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

2. Về điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58; (**H, T1, B** áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52) Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị H** 03 năm 3 tháng tù (ba năm ba tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

Xử phạt bị cáo **Danh T1** từ 02 năm 9 tháng tù (hai năm chín tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn B** 02 năm 6 tháng tù (hai năm sáu tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

Xử phạt bị cáo **Hồ Thanh H1** 02 năm 3 tháng tù (hai năm ba tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1. Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58; Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đan T4** từ 01 năm 9 tháng tù (một năm chín tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 05/8/2023.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Q** từ 01 năm 9 tháng tù (một năm chín tháng).

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/8/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập.

5. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: *Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

5.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bình xịt có dung tích 110ml, màu xanh có chữ “NATO”.

5.2 Trả lại cho: Ông **Trần Văn P** 01 (một) xe mô tô biển số 67L1-560.56 và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L1-560.56 mang tên **Trần Văn P**.

Các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới tạm quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - **Công an huyện C** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

6. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

Các bị cáo **Trần Thị H**, **Danh T1**, **Trần Văn B**, **Hồ Thanh H1**, **Nguyễn Văn Đan T4**, **Trần Văn Q** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.*

Các bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày nhận được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Chợ Mới;
- CQTHAHS - Công an H. Chợ Mới;
- CQĐT - Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- BP Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSVA; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong